



**TRƯỜNG ĐHS P HÀ NỘI 2  
KHOA LỊCH SỬ**

# **NỘI SAN SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**



**SỐ 24, 5-2024**

Khoa Lịch sử  
Điện thoại: 0211.3512.468 (Máy lẻ 1010)  
Email: [khoalichsu.sp2@moet.edu.vn](mailto:khoalichsu.sp2@moet.edu.vn)



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

## KHOA LỊCH SỬ

Số 24 - Tháng 5/2024

# NỘI SAN SINH VIÊN NGHIÊN CỨU

## KHOA HỌC

### Biên tập:

Ban Biên tập Nội san

### Ban Cố vấn:

1. TS. Nguyễn Văn Dũng
2. TS. Ninh Thị Sinh
3. TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung
4. TS. Ninh Thị Hạnh
5. TS. Trần Thị Thu Hà
6. TS. Chu Thị Thu Thủy
7. TS. Nguyễn Thị Nga
8. TS. Nguyễn Thị Bích
9. TS. Cao Thị Vân
10. PGS. TS. Phạm Văn Lực
11. ThS. Nguyễn Văn Nam
12. ThS. Phan Thị Thúy Châm
13. TS. Chu Ngọc Quỳnh
14. TS. Nguyễn Thùy Linh
15. TS. Đặng Thị Thùy Dung
16. PGS. TS. Đỗ Thị Mùi
17. TS. Thân Thị Huyền
18. TS. Nguyễn Văn Minh
19. TS. Trần Thị Hằng
20. ThS. Nguyễn Hà Trang
21. TS. Phùng Gia Bách

## MỤC LỤC

LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM – LIÊN XÔ TỪ NĂM 1954 – 1991 TRÊN LĨNH VỰC QUÂN SỰ..... 5

*Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Trọng Năng K47A- B SPLS*

VAI TRÒ CỦA LÊ ĐỨC THỌ TRONG HỘI NGHỊ PARIS VỀ VẤN ĐỀ KẾT THÚC CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM ..... 6

*Nguyễn Văn Minh & Nguyễn Khánh Huyền, K47B SPLS*

TÁC ĐỘNG CỦA HOA KIỀU ĐỐI VỚI QUAN HỆ HỢP TÁC TRUNG QUỐC – ASEAN TRONG NỬA SAU THẾ KỶ XX – ĐẦU THẾ KỶ XXI ..... 7

*Nguyễn Đình Huy – Đỗ Văn Mười – Lê Dũng Lân, K47B SPLS*

TÌM HIỂU VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU, TAM PHỦ, TỨ PHỦ- TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT ..... 8

*Đặng Thị Hiền, Nguyễn Hồng Thương & Nguyễn Thị Kim Liên, K47 SPLS*

LOẠI HÌNH PHIM VÀ KỊCH THỜI KỶ BAO CẤP ..... 9

*Bùi Khánh Linh – K47A SPLS*

ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM THỜI KỶ BAO CẤP (1976-1986)..... 10

*Phạm Tùng Lâm & Xin Thị Luyến, K47B SPLS*

QUAN HỆ SÁCH PHONG, TRIỀU CÔNG CỦA ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527) VỚI NHÀ MINH ..... 11

*Nguyễn Hà Phương, K47B SPLS*

ĐÌNH LÀNG VIỆT NAM..... 12

*Nguyễn Thị Thu Hương K47B*

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN ĐẦU THẾ KỶ XX..... 13

*Nguyễn Thị Dung, Phùng Thanh Phương, Trần Thị Cẩm Ly, K47A-B SPLS*

ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂU TƯỢNG RỒNG THỜI LÝ (THẾ KỶ XI – XIII) ĐẾN VĂN HOÁ ĐẠI VIỆT ..... 14

*Khổng Thị Diễm Hằng & Trần Thị Thanh Nhã, K47A SPLS*

TEM PHIẾU THỜI BAO CẤP: CÁCH THỨC SỬ DỤNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI  
VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975 – 1986..... 15

*Nguyễn Đình Hưng, Đỗ Khánh Duy, Hoàng Linh Chi, K47A SPLS*

TRÍCH DỊCH “Quá trình Ấn Độ Hóa ở Phù Nam, nhà nước đầu tiên ở Đông Nam Á”  
(Kỳ I) ..... 16

*Biên dịch: Trần Hoàng Nam, K47 SPLS*

XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU: ẢNH HƯỞNG CỦA PHẠM XUÂN AN  
VỚI CÁCH MẠNG MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1960-1975..... 18

*Nguyễn Việt Anh, K47A SPLS*

# LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM – LIÊN XÔ TỪ NĂM 1954 – 1991 TRÊN LĨNH VỰC QUÂN SỰ

*Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Trọng Năng K47A- B SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSB Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung*

## **Tóm tắt**

Trong những năm 1950 của thế kỷ XX, thế giới đang chứng kiến sự phát triển của hai trào lưu đối lập: sự hòa hoãn giữa các nước lớn và phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao. Bối cảnh này càng trở nên phức tạp khi Việt Nam, sau chiến thắng lịch sử tại Điện Biên Phủ, nắm giữ một vị trí địa chiến lược quan trọng.

Nằm ở vị trí cửa ngõ của Đông Nam Á, Việt Nam trở thành một điểm nối quan trọng giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Điều này làm cho quốc gia này trở thành một tuyến giao thông quan trọng và một trạm dừng chân chiến lược trên bản đồ chính trị thế giới.

Giai đoạn 1950-1954 chứng kiến một bước tiến mới trong quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô, khi quan hệ ngoại giao chính thức được thiết lập và Liên Xô bắt đầu ủng hộ Việt Nam về mặt chính trị, quân sự và văn hóa. Hội nghị Giơnevơ năm 1954 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, mở ra một trang mới trong quan hệ giữa hai quốc gia. Nhưng trong giai đoạn này mối quan hệ của hai nước chỉ dừng ở mức “Khởi động”. Phải từ sau năm 1954 mối quan hệ mới thực sự phát triển đến toàn diện. Bài viết này nỗ lực đi sâu vào lĩnh vực quân sự để nhìn nhận mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô từ năm 1954 đến năm 1991.

# VAI TRÒ CỦA LÊ ĐỨC THỌ TRONG HỘI NGHỊ PARIS VỀ VẤN ĐỀ KẾT THÚC CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

*Nguyễn Văn Minh & Nguyễn Khánh Huyền, K47B SPLS*

*Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Ninh Thị Sinh*

## **Tóm tắt**

Cuộc đàm phán Paris và Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là đỉnh cao của mặt trận ngoại giao Việt Nam thời kỳ chống đế quốc Mỹ, cứu nước và là thành công lớn nhất trong lịch sử ngoại giao của dân tộc thời đại Hồ Chí Minh. Quá trình đàm phán 4 năm 8 tháng 16 ngày và được ký kết vào ngày 27-1-1973, trải qua trong khoảng thời gian kéo dài cùng với những diễn biến gay go, phức tạp. Trong đàm phán và thời điểm ký kết Hiệp định đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của nền ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Chiến thắng trên bàn ngoại giao là chiến thắng quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thắng lợi này có ý nghĩa chiến lược, tạo nên cục diện mới để quân và dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên hòa bình, thống nhất và phát triển ở Việt Nam. Dấu ấn trên lĩnh vực đấu tranh ngoại giao, Lê Đức Thọ là nhà ngoại giao tài ba, có tư duy chiến lược sắc bén, để lại nhiều dấu ấn sâu đậm, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris (1968 – 1973). Sau khi hội nghị ở Paris kết thúc, Lê Đức Thọ cùng với Kissinger được trao giải thưởng Nobel hòa bình, có thể nói ông là người Việt Nam đầu tiên được trao giải thưởng danh giá này. Nhưng Lê Đức Thọ đã từ chối nhận giải thưởng vì hòa bình đó. Liệu nó có liên quan đến hội nghị Paris mà Lê Đức Thọ có vai trò ở đó ? Trong phạm vi bài nghiên cứu này chúng tôi làm rõ vai trò của Lê Đức Thọ trong hội nghị Paris về vấn đề kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

# **TÁC ĐỘNG CỦA HOA KIỀU ĐỐI VỚI QUAN HỆ HỢP TÁC TRUNG QUỐC – ASEAN TRONG NỬA SAU THẾ KỶ XX – ĐẦU THẾ KỶ XXI**

*Nguyễn Đình Huy – Đỗ Văn Mười – Lê Dũng Lân, K47B SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Nguyễn Thuỳ Linh*

## **Tóm tắt**

Người Hoa đã trở thành một trong những dân tộc đa số hoặc thiểu số ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có Đông Nam Á. Việc sinh sống lâu đời ở nhiều quốc gia đã khiến người Hoa tạo nên mạng lưới cộng đồng của họ, mạng lưới các dòng tộc, họ không chỉ mang lại những tác động đáng kể đối với các nước sở tại mà mình đang sinh sống, mà còn trở thành sợi dây liên kết các nước này với Trung Hoa.

Trong khoảng thời gian hơn 40 năm trở lại đây, mối quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN đang là mối quan hệ hợp tác đa lĩnh vực. Việc thiết lập một sợi dây liên lạc giữa hai bên sẽ giúp cho cả hai có thể tiếp cận với nhiều cơ hội để phát triển một cách toàn diện. Người Hoa vẫn là bộ phận kết nối mối quan hệ này ngày càng trở nên sâu sắc hơn. Bài viết này mong muốn nghiên cứu và đi sâu tìm hiểu về vấn đề về Hoa Kiều ở Đông Nam Á trong việc tăng cường mối quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN từ nửa sau thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI.

# TÌM HIỂU VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU, TAM PHỦ, TỨ PHỦ- TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT

*Đặng Thị Hiền, Nguyễn Hồng Thương & Nguyễn Thị Kim Liên, K47 SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSB Hà Nội 2*

*GVHD: PGS. TS. Phạm Văn Lực*

## **Tóm tắt**

Ở Việt Nam, tín ngưỡng là một phần quan trọng của văn hóa và tâm linh dân tộc. Với nền văn hóa đa dạng và phong phú của Việt Nam đã tạo ra một hệ thống tín ngưỡng đa sắc tố, bao gồm các hình thức tôn giáo chính thống như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Đạo giáo..., cũng như các tín ngưỡng dân gian như thờ cúng tổ tiên, thần linh, và các nguyên lý tâm linh dân gian khác.

Trong số các tín ngưỡng dân gian, thờ Mẫu (hoặc cúng mẹ) được coi là một phần quan trọng của đời sống tâm linh trong cuộc sống của người Việt. Đây là một trong những di sản văn hóa có lịch sử lâu đời, được hình thành và phát triển trên nền tảng tín ngưỡng hướng về cội nguồn. Tín ngưỡng thờ Mẫu, Tam phủ và Tứ phủ là một phần quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Năm 2016, UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là minh chứng sâu sắc của tín ngưỡng này trong văn hóa Việt Nam. Do đó, nghiên cứu về văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu, Tam phủ, Tứ phủ không chỉ phản ánh nguồn gốc và lịch sử của tín ngưỡng mà còn là việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa. Qua quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy tín ngưỡng thờ Mẫu, Tam phủ, Tứ phủ đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đưa ra các luận điểm cho vấn đề trên; thế nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình, bài viết nào đề cập đến vấn đề này một cách hoàn chỉnh, hệ thống, nhiều vấn đề khoa học vẫn chưa được làm rõ. Dựa vào các nguồn tài liệu lưu trữ ở Trung ương, địa phương và các công trình đã công bố, bài viết của chúng tôi sẽ đề cập đến: (1) Nguồn gốc và sự phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu; (2) Giá trị lịch sử, tinh thần tư tưởng và văn hóa của tín ngưỡng thờ Mẫu; (3) Sự cần thiết phải bảo tồn phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam; (4) trên cơ sở đó bài viết cũng rút ra một số kết luận, nhận định về tín ngưỡng thờ Mẫu.



# LOẠI HÌNH PHIM VÀ KỊCH THỜI KỲ BAO CẤP

*Bùi Khánh Linh – K47A SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Nguyễn Thùy Linh*

## **Tóm tắt**

“Thời kỳ bao cấp” là tên gọi dùng để mô tả giai đoạn sau khi giải phóng miền Nam đến khi thực hiện công cuộc đổi mới. Đây là thời kì đề ra nhiều chính sách nhằm phát triển đất nước trên mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhằm cải thiện đời sống nhân dân. Thế nhưng ngược lại với việc nhà nước đưa ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao cuộc sống, đại đa số nhân dân cả nước đang trong tình trạng khó khăn và thiếu thốn, đặc biệt những thiếu thốn về đời sống tinh thần của người dân giai đoạn này. Bài viết này sẽ tập trung phân tích về đời sống tinh thần của người dân thông qua những loại hình phim và kịch ở thời kỳ bao cấp (giai đoạn 1975-1985).

# **ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM**

## **THỜI KỲ BAO CẤP (1976-1986)**

*Phạm Tùng Lâm & Xin Thị Luyện, K47B SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Nguyễn Thùy Linh*

### **Tóm tắt**

Thời bao cấp là một giai đoạn lịch sử đặc biệt của Việt Nam, có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của người dân và sự phát triển của đất nước, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những khó khăn, thách thức mà người dân Việt Nam phải đối mặt trong thời kỳ này. Thời kì bao cấp phản ánh rõ nét tình hình Việt Nam hậu chiến tranh: hàng hóa được phân phát theo tem phiếu do nhà nước ban hành, việc tự do trao đổi buôn bán hàng hóa bị hạn chế, hạn chế việc trao đổi bằng tiền, phân phối lương thực, thực phẩm theo đầu người, số gạo được ấn định và các mặt hàng được mua trong gia đình. Sau ngàn ấy cuộc chiến tranh dai dẳng và khốc liệt của nhân dân ta với những nước hùng mạnh nhất trên thế giới, như là đế quốc Mỹ, thực dân Pháp và nhiều nước đồng minh khác trên thế giới. Khi nước ta được thống nhất đất nước, toàn thể nhân dân ta tiếp tục bước vào giai đoạn hòa bình, xây dựng đất nước, một giai đoạn mà hầu hết sinh hoạt kinh tế diễn ra dưới nền kinh tế kế hoạch hóa, một đặc điểm điển hình của nền kinh tế Việt nam thời bấy giờ. Bài viết này mong muốn cung cấp một bức tranh về đời sống vật chất của người dân Việt Nam thời kỳ bao cấp từ năm 1976 đến năm 1986.

# QUAN HỆ SÁCH PHONG, TRIỀU CỐNG CỦA ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527) VỚI NHÀ MINH

*Nguyễn Hà Phương, K47B SPLS  
Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2  
GVHD: Nguyễn Văn Nam*

## **Tóm tắt**

Triều Lê Sơ được thành lập là kết quả của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài, gian khổ suốt 10 năm (1417 – 1427). Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt. Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập của vương triều Lê Sơ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới cùng nền độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt. Trong bối cảnh trên, quan hệ bang giao, đặc biệt là quan hệ sách phong, triều cống giữa hai nước Đại Việt và nhà Minh trở thành vấn đề trọng yếu nhất của chính sách ngoại giao nhà Lê Sơ. Đường lối xuyên suốt thể hiện trong quá trình tiến hành quan hệ sách phong, triều cống của nhà Lê Sơ chính là đường lối toàn diện, chủ động, linh hoạt, khôn khéo và uyển chuyển, tạo dựng được mối quan hệ hòa hảo, tốt đẹp với nhà Minh. Bài viết này khám phá quan hệ sách phong, triều cống của Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527) với nhà Minh.

# ĐÌNH LÀNG VIỆT NAM

*Nguyễn Thị Thu Hương K47B*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: PGS. TS. Phạm Văn Lực*

## **Tóm tắt**

Cây đa, giếng nước, mái đình là biểu tượng hết sức độc đáo của làng xã Việt Nam truyền thống. Đình làng không chỉ là nơi thờ cúng Thành Hoàng Làng mà còn là trung tâm sinh hoạt chính trị, xã hội văn hóa của dân làng; đặc biệt là các cuộc hội họp của bộ máy chức dịch quyết định những vấn đề hệ trọng nhất của làng và duy trì luật tục... Qua thời gian, cùng những thăng trầm của lịch sử, nhất là từ khi thực dân Pháp tiến hành “Cải lương hương chính” (1922), hầu hết các hương ước, khế ước của làng xã Bắc Kỳ đã có sự thay đổi, nhưng vị trí và biểu tượng của ngôi đình trong các làng xã Việt Nam vẫn không hề bị suy giảm.

Thế nhưng, cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề này một cách hoàn chỉnh, hệ thống; nhiều vấn đề khoa học về ngôi đình Việt Nam vẫn chưa được làm rõ. Trên cơ sở tham khảo các nguồn tài liệu đã công bố, sự hiểu biết của mình về văn hóa làng xã và ngôi đình, nên chúng tôi đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu về ngôi đình Việt Nam và tập trung làm rõ một số ý sau: Nguồn gốc lịch sử, Chức năng cũng như vai trò, nghệ thuật kiến trúc của đình làng trong văn hóa làng xã Việt Nam cổ truyền.

# PHONG TRÀO YÊU NƯỚC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TU SẢN ĐẦU THẾ KỶ XX

*Nguyễn Thị Dung, Phùng Thanh Phương, Trần Thị Cẩm Ly, K47A-B SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: PGS. TS. Phạm Văn Lực*

## **Tóm tắt**

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam xuất hiện phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới dân chủ tư sản; mà đại diện tiêu biểu nhất là Phan Bội Châu với chủ trương bạo động cách mạng; Phan Châu Trinh với khuynh hướng cải cách. Tư tưởng dân chủ tư sản đã mang đến cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam thời kỳ này một cách nhìn mới, quan niệm mới, phương pháp cách mạng mới; nó hoàn toàn khác với phong trào Cần Vương của giai cấp phong kiến trước đây. Về sự hình thành tư tưởng tư sản ở Việt Nam thời kỳ này cũng đã có nhiều công trình, bài viết ở trong nước và nước ngoài đề cập đến dưới những góc độ, khía cạnh khác nhau; thế nhưng, cho đến nay vẫn chưa có công trình, bài viết nào đề cập đến vấn đề này một cách hoàn chỉnh, hệ thống; nhiều vấn đề khoa học vẫn chưa được làm rõ. Trên cơ sở các nguồn tài liệu lưu trữ ở Trung ương và địa phương, bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài và các công trình đã công bố, bài viết tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ một số ý sau: Sự hình thành tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; Chủ trương bạo động cách mạng của Phan Bội Châu, khuynh hướng cải cách của Phan Châu Trinh; Đóng góp mới của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX ở Việt Nam; trên cơ sở, bài viết cũng rút ra một số kết luận về phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới ở Việt Nam thời kỳ này.

# ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂU TƯỢNG RỒNG THỜI LÝ (THẾ KỶ XI – XIII) ĐẾN VĂN HOÁ ĐẠI VIỆT

*Khổng Thị Diễm Hằng & Trần Thị Thanh Nhã, K47A SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Trần Thị Thu Hà*

## **Tóm tắt**

Rồng – một trong tứ linh được tôn sùng bậc nhất, đứng đầu trong tứ linh và đại diện cho sự hưng thịnh và quyền lực tối cao. Từ lâu hình ảnh linh vật này đã xuất hiện và được tôn sùng ở nước ta. Người dân Việt luôn tự hào với truyền thuyết về gốc gác “con rồng, cháu tiên” của mình. Điều này đã là minh chứng cho việc biểu tượng rồng đã xuất hiện và tồn tại trong tâm thức người Việt từ rất lâu trước đó. Có rất nhiều truyền thuyết về nguồn gốc của loài vật này nhưng dù là có nguồn gốc từ đâu đi nữa thì hình tượng linh vật rồng đã là cơ sở cho niềm tin của người dân về sự may mắn, hưng thịnh, về một cuộc sống yên bình, ấm no. Nếu như ở Trung Quốc rồng là đại diện cho thiên tử thể hiện sự quyền uy của bậc đế vương thì ở Việt Nam rồng cũng là đại diện cho bậc vua chúa nhưng lại gần gũi với cuộc sống của nhân dân, như một cách để người dân nhớ về tổ tiên, nguồn cội của mình. Trong thời kì phong kiến ở Việt Nam, các triều đại cũng luôn sử dụng hình ảnh loài rồng để đại diện cho quyền uy của bậc chí tôn, tuy nhiên ở mỗi triều đại khác nhau thì biểu tượng về linh vật này lại đều có sự thay đổi. Dưới triều đại nhà Lý từ thế kỉ thứ XI tới thế kỉ thứ XIII, với sự phát triển hưng thịnh của mình, nhà Lý đã để lại rất nhiều công trình kiến trúc đặc biệt mang đậm dấu ấn của triều đại. Trong đó hình ảnh rồng trên kiến trúc, hội họa được sử dụng rộng rãi, trên trang phục của vua chúa cũng là hình ảnh biểu trưng cho quyền lực này. Bài viết của chúng tôi nhằm mục đích khái quát, làm rõ về biểu tượng Rồng dưới thời đại nhà Lý được thể hiện như thế nào qua các hiện vật khảo cổ học và những ảnh hưởng đến văn hóa Đại Việt.

# **TEM PHIẾU THỜI BAO CẤP: CÁCH THỨC SỬ DỤNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975 – 1986**

*Nguyễn Đình Hưng, Đỗ Khánh Duy, Hoàng Linh Chi, K47A SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*GVHD: TS. Nguyễn Thùy Linh*

## **Tóm tắt**

Sau năm 1975, Việt Nam đã thống nhất cơ bản về mặt nhà nước nhưng cũng đối diện với muôn vàn khó khăn và thử thách, nhất là khi nền kinh tế phát triển chưa bền vững và sức cạnh tranh thấp, lạm phát vẫn ở mức cao. Thời kì bao cấp phản ánh rõ nét tình hình Việt Nam hậu chiến tranh như hàng hóa được phân phát theo tem phiếu do nhà nước ban hành, việc tự do trao đổi buôn bán hàng hóa bị hạn chế, phân phối lương thực, thực phẩm theo đầu người, sổ gạo được ấn định và các mặt hàng được mua trong gia đình. Trong số đó, tem phiếu thời bao cấp là một trong những kí ức khó có thể quên đối với thế hệ ông bà, bố mẹ và những người đã sống trong những năm tháng khó khăn ấy. Đã có nhiều triển lãm, bài viết, tranh ảnh về tem phiếu thời bao cấp, tuy nhiên, việc nghiên cứu sự ra đời, các loại hình, cách thức sử dụng và tác động của nó đến đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam lúc bấy giờ còn là khoảng trống cần bù đắp. Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn chủ đề nghiên cứu là Tem phiếu thời bao cấp: cách thức sử dụng và tác động đối với Việt Nam giai đoạn 1975 – 1986.

## **TRÍCH DỊCH “Quá trình Ấn Độ Hóa ở Phù Nam, nhà nước đầu tiên ở Đông Nam Á” (Kỳ I)**

(Nguồn: Kenneth R. Hall (1985). The “Indianization” of Funan, Southeast Asia’s First State? In *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, pp. 52-84, <https://doi.org/10.2307/j.ctv9zckps.10>

*Biên dịch: Trần Hoàng Nam, K47 SPLS*

*Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2*

*Hiệu đính: TS. Cao Thị Vân*

### **Tóm tắt**

Chúng ta thấy rằng tầm quan trọng ngày càng gia tăng của tuyến đường hàng hải qua Đông Nam Á đã có ảnh hưởng quan trọng đối với hệ thống chính trị và kinh tế của khu vực này. Tác động đó có lẽ có thể thấy rõ hơn thông qua việc đánh giá chi tiết một thực thể chính trị được xem là sớm nhất ở Đông Nam Á, Phù Nam.

Như đã được đề cập trước đó trong chương 2, vào những năm 240, các sứ thần Trung Quốc đầu tiên được ghi nhận đã tới Đông Nam Á để khám phá ra bản chất của tuyến đường hàng hải theo lệnh Nhà Ngô, họ đã tới Phù Nam dọc vùng duyên hải phía Nam Việt Nam mà họ đã đi qua. Từ các báo cáo ghi chép lại bởi Kang Tai và Chu Ying thì nguồn gốc của vương quốc Phù Nam trở nên rõ ràng. Báo cáo của Kang Tai mang đến một cái nhìn đương thời về nhà nước Phù Nam thịnh vượng, báo cáo cho hoàng đế của ông về việc người Phù Nam

sống các thành thị, cung điện và nhà ở có tường bao quanh... Họ gắn bó với nghề nông. Họ gieo hạt trong một năm và thu hoạch trong ba năm còn lại... Thuế trả bằng vàng, bạc, ngọc trai và hương liệu... Có sách, kho lưu trữ và những thứ khác. Chữ cái viết của họ có điểm tương đồng với chữ của người Hồ (là một dân tộc ở Trung Á sử dụng kiểu chữ viết có nguồn gốc từ Ấn Độ)

Trong số các trung tâm duyên hải lân cận vùng thượng Bán Đảo Mã Lai mà đã phát triển nhanh chóng để phục vụ số lượng ngày càng tăng các thương nhân đi đường biển và đường bộ trên tuyến đường Isthmus qua eo đất Kra là các cảng ở bờ biển hạ lưu Việt Nam được người Trung Quốc cho rằng thuộc dưới quyền quản lý của Phù Nam.



Những di tích khảo cổ tại Óc Eo, nơi có một cảng Phù Nam như thế, cho thấy vùng bờ biển này nằm dưới sự chiếm giữ bởi các nhóm ngư dân và săn bắn Mã Lai từ thế kỉ I sau Công Nguyên. Sau khi đóng tàu của riêng mình, những thuỷ thủ này phát hiện ra rằng vị trí bờ biển của họ có liên quan đến một tuyến hàng hải quốc tế dọc eo đất Kra có thể cho phép họ cung cấp lối đi cho hàng hoá Ấn Độ và Trung Quốc. Chẳng bao lâu Óc Eo nhanh chóng phát triển. Hệ thống cảng đã được xây dựng, bao gồm các tòa nhà để lưu trữ hàng hóa và nhà trọ cho các thương gia ở lại cho đến khi mùa gió mùa tiếp theo tới sẽ cho phép họ quay trở về.

Dữ liệu khảo cổ ở Óc Eo đã chỉ ra sự phát triển của cảng thị Phù Nam như một trung tâm thương mại buôn bán hàng hải có liên quan đến nền tảng phát triển nông nghiệp song song hoặc trước đó của Phù Nam. Một hệ thống quản lý thủy lợi rộng lớn mà tại một số thời điểm bao gồm các dự án thủy lực phức tạp đã cho phép người dân trên đất liền Phù Nam sản xuất nhiều vụ lúa mỗi năm – cung cấp đủ lượng gạo dư thừa để dễ dàng cung cấp thức ăn cho các thương nhân nước ngoài cư trú tại các cảng Phù Nam và cung cấp cho tàu của họ. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ liệu hệ thống quản lý nước này có yêu cầu trình độ năng lực công nghệ mới và/hoặc sự lãnh đạo trung tâm trong việc xây dựng nó hay không. Có vẻ như các dự án thủy điện (được thảo luận sau trong chương này) đã không xuất hiện cho đến sau này và sự phát triển nông nghiệp ban đầu của Phù Nam dựa trên canh tác lúa lũ, nơi phù hợp nhất với vùng Phù Nam (không giống các vùng khác). Như vậy sự trỗi dậy của Phù Nam có hai nguồn gốc: sự phát triển của một hệ thống nông nghiệp tiên tiến (có thể bao gồm cả việc thoát nước từ đầm lầy ven biển) và vị trí chiến lược của nó đối diện với eo đất Kra. Để xác định liệu sự nổi lên của Phù Nam là hệ quả của sự phát triển bản địa hay là kết quả của sự đóng góp đáng kể của chuyên môn nước ngoài, đặc biệt là Ấn Độ, cần phải xem xét lịch sử sớm nhất của Phù Nam.

**XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU:  
ẢNH HƯỞNG CỦA PHẠM XUÂN ẮN VỚI CÁCH MẠNG  
MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1960-1975**

*Nguyễn Việt Anh, K47A SPLS  
Khoa Lịch Sử, Trường ĐHSPT Hà Nội 2*

**Tóm tắt**

Trong công cuộc đấu tranh và giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam, chiến trường không chỉ diễn ra ngoài mặt trận mà còn diễn ra ngay trong lòng Sài Gòn - vị trí tập trung bộ não của chính quyền Mỹ ở Đông Nam Á, đó đồng thời cũng là nơi những chiến sĩ tình báo xuất sắc nhất của quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lặng lẽ lập những chiến công.

Dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã tạo ra “những chiến công lịch sử mà như huyền thoại. Một trong những “huyền thoại” đấy là câu chuyện về những chiến sĩ tình báo đầy bản lĩnh, trí tuệ đã “trèo cao, bám chắc” trong lòng bộ máy đối phương, như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tình báo là tai mắt của Đảng, của quân đội, trách nhiệm của nó rất quan trọng... Muốn biết địch thì phải có tình báo giỏi. Muốn khỏi địch biết ta, cũng phải có tình báo giỏi...”

Bởi vậy, trong “Bình pháp tôn tử” cũng phải dành ra một chương để nói về tình báo, hay Joseph Stalin từng nói rằng “một người tình báo giỏi có sức mạnh hơn cả một binh đoàn.” Đây là câu nói áp vào “Điệp viên hoàn hảo”- Phạm Xuân Ẩn thì có lẽ sẽ không sai được một chút nào cả. Ông Ẩn khai thác và có được những thông tin chất lượng tới nỗi Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi đọc xong cũng phải thốt lên rằng: “Bác đọc báo cáo mà cứ như đang ở ngay trung tâm New York vậy.” Đây có lẽ là minh chứng cho thấy tài năng của ông Ẩn nó cao như thế nào.

Làm tình báo chiến lược nếu có một tinh tức chuẩn báo về sẽ cứu được cả nghìn người khỏi cái chết thậm chí làm xoay chuyển cục diện cả một cuộc chiến. Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cụ thể là với cách mạng Miền Nam Việt Nam, những thông tin của nhà tình báo Phạm Xuân Ẩn gửi về có sức ảnh hưởng lớn với cách

mạng Miền Nam. Tuy vậy, những tài liệu viết về sức ảnh hưởng của ông với cách mạng miền Nam vẫn còn hạn chế. Trong chương trình dạy học cũng không đề cập đến những người hùng thầm lặng như ông, phần vì tư liệu còn hạn chế, phần vì thời lượng chương trình học không đủ. Cuộc đời của ông nhất là trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ có nhiều ý nghĩa nhưng lại ít người biết đến nên tôi quyết định chọn đề tài cho bài nghiên cứu khoa học của mình là: “Ảnh hưởng của Phạm Xuân Ẩn với cách mạng miền Nam giai đoạn 1960-1975”.



**KHOA LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**  
**ĐỊA CHỈ: SỐ 32, ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH - PHƯỜNG XUÂN HÒA -**  
**THÀNH PHỐ PHÚC YÊN - TỈNH VĨNH PHÚC**

**Điện thoại: 0211.3512.468 (Máy lẻ 1010)**

**Email: [khoalichsu.sp2@moet.edu.vn](mailto:khoalichsu.sp2@moet.edu.vn)**

---